

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 16-9-2025

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung
giữa chị Thảo và anh Tường”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Tiến

Ông Nguyễn Văn Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngát - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 26/3/2001, căn cước công dân số 040301016791, do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 01/3/2023; Nơi thường trú: Xóm D, xã M, tỉnh Ninh Bình (xóm D, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định cũ).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T1, sinh ngày 16/01/1984, căn cước công dân số: 036084002881, do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 10/8/2021; Nơi ĐKKHTT: Xóm D, xã M, tỉnh Ninh Bình (xóm D, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định cũ); Hộ chiếu số: C9636176, Cục Q, cấp ngày 13/4/2021

Hiện đang trú tại: Đài Loan.

(Tại phiên tòa vắng mặt chị Nguyễn Thị Phương T có lý do; vắng mặt anh Trần Văn T1 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 8 năm 2025, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Trần Văn T1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (nay là xã M, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 16/4/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống về mọi mặt. Đặc biệt từ khi anh T1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, hai vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Ninh Bình giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T1.

- Về con chung: Chị và anh Trần Văn T1 có 02 con chung là Trần Anh T2, sinh ngày 30/8/2019 và cháu Trần Anh D, sinh ngày 10/01/2022. Hiện cháu Trần Anh T2 đang chung sống với bố mẹ đẻ của anh T1 vì từ khi anh T1 đi lao động tại Đài Loan, ông bà nội nuôi cháu còn cháu Trần Anh D đang ở cùng chị T. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Anh D, giao con chung Trần Anh T2 cho anh Trần Văn T1 nuôi dưỡng, chăm sóc. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

- Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân giữa chị và anh T1 không có gì liên quan, chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bản thân chị đã suy nghĩ rất nhiều trước khi làm đơn xin ly hôn với anh Trần Văn T1. Do hiện nay anh Trần Văn T1 đang cư trú và lao động tại Đài Loan, do không bố trí thời gian đến Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ theo quy định của pháp luật.

* Tại biên bản làm việc ngày 06 tháng 8 năm 2025 với ông Trần Văn V, bà Phạm Thị M (bố mẹ anh Trần Văn T1) trình bày: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Trần Văn T1 sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể vợ chồng ông bà không được biết, nhưng từ khi con ông bà (anh T1) đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan hai vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay chị T làm đơn xin ly hôn với anh Trần Văn T1 ông bà không có ý kiến gì. Anh Trần Văn T1 và chị Nguyễn Thị Phương T có 02 con chung là Trần Anh T2, sinh ngày 30/8/2019 và cháu Trần Anh D, sinh ngày 10/01/2022. Hiện cháu Trần Anh T2 đang chung sống với gia

đình ông vì từ khi anh T1 đi lao động tại Đài Loan gia đình ông đã nuôi cháu còn cháu Trần Anh D đang ở cùng mẹ là Nguyễn Thị Phương T. Khi ly hôn, anh Trần Văn T1 có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Anh T2, anh T1 vì điều kiện công việc không gửi văn bản ủy quyền về được, tuy nhiên anh T1 vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình và nhờ gia đình tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Anh T2 cho đến khi anh T1 về nước. Việc cấp dưỡng nuôi cháu Trần Anh T2 do gia đình ông tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, công nợ chung, chị T không đề nghị Toà án xem xét, giải quyết thì gia đình ông cũng không có ý kiến gì. Hiện nay anh T1 đang ở Đài Loan, gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với anh T1. Do anh T1 không về Việt Nam được nên gia đình ông nhận thay anh T1 và có trách nhiệm thông báo cho anh T1 được biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

* Bị đơn anh Trần Văn T1 đã được Toà án gửi thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Trần Văn V và bà Phạm Thị M (bố mẹ đẻ anh T1) nhận thay, anh đã biết được nội dung khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương T, đến nay anh không có yêu cầu phản tố. Anh T1 không có tài liệu chứng cứ gì giao nộp cho Tòa án, anh T1 vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên toà xét xử mà không có lý do. Đến nay anh T1 không có quan điểm của mình đối với vụ án.

Tại phiên toà hôm nay, chị Nguyễn Thị Phương T vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, anh Trần Văn T1 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tổng đạt các quyết định tố tụng theo quy định tại các Điều 170, 171, 175, 177, 220 BLTTDS năm 2015. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS như cung cấp chứng cứ. Bị đơn không có văn bản và tài liệu chứng cứ giao nộp cho Tòa án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Về nội dung vụ án, theo quy định tại Điều 147, 273, 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; có đủ căn cứ xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương T và anh Trần Văn T1. Con chung đề nghị giao cháu Trần Anh D, sinh ngày 10/01/2022

cho chị Nguyễn Thị Phương T nuôi dưỡng, chăm sóc, hiện cháu đang ở cùng chị T. Giao cháu Trần Anh T2, sinh ngày 30/8/2019 cho anh Trần Văn T1 nuôi dưỡng, chăm sóc, hiện cháu Trần Anh T2 đang chung sống với bố mẹ đẻ của anh T1, anh T1 vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình và nhờ bố mẹ anh tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Anh T2 cho đến khi anh T1 về nước. Chị T và anh T1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau mà được quyền chăm sóc, thăm nom con nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con. Tài sản chung, công nợ của chị T, anh T1 không đề nghị Toà án giải quyết nên không cần đề cập, giải quyết. Án phí chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là anh Trần Văn T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm D, xã M, tỉnh Ninh Bình (Xóm D xã T, huyện T, tỉnh Nam Định cũ); Nhưng qua việc xác minh tại Phòng Q1 - Công an tỉnh N, bản tự khai của ông Trần Văn V và bà Phạm Thị M (bố mẹ đẻ anh T1), tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương T thì anh Trần Văn T1 đang cư trú và lao động tại Đài Loan; nên căn cứ Điều 28, Điều 39, Điều 469 BLTTDS, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về việc tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân, TAND khu vực 9 - Ninh Bình giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” giữa chị Nguyễn Thị Phương T và anh Trần Văn T1 là đúng quy định của pháp luật.

Anh Trần Văn T1 đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 thông qua ông Trần Văn V và bà Phạm Thị M (bố, mẹ anh T1) nhưng anh T1 vẫn vắng mặt. Chị Nguyễn Thị Phương T có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Trần Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (nay là xã M, tỉnh

Ninh Bình), xác định đây quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị Phương T và anh Trần Văn T1 đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị T để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Trần Văn T1 có hai con chung cháu Trần Anh T2, sinh ngày 30/8/2019 và cháu Trần Anh D, sinh ngày 10/01/2022. Hiện cháu Trần Anh T2 đang chung sống với bố mẹ đẻ của anh T1 vì từ khi anh T1 đi lao động tại Đài Loan, ông bà nuôi cháu còn cháu Trần Anh D đang ở cùng chị T. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Anh D, giao con chung Trần Anh T2 cho anh Trần Văn T1 nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét nguyện vọng của chị Nguyễn Thị Phương T trong việc nuôi con chung thì thấy: Cháu Trần Anh T2 đang do bố mẹ đẻ anh T1 nuôi dưỡng, chăm sóc, cháu Trần Anh D đang do chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, các cháu vẫn đang được sinh sống, cư trú ổn định, có môi trường sống tốt nhất để cho các cháu được phát triển lành mạnh cả về thể chất và tinh thần, anh T1 đang cư trú và lao động tại Đài Loan ở xa nhà, ông Trần Văn V và bà Phạm Thị M (là bố mẹ đẻ anh T1) đã nhận trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Anh T2 giúp anh T1, khi nào anh T1 về nước sẽ có trách nhiệm bàn giao cháu T2 lại cho anh T1.

Xét thấy, việc chị T để con chung là cháu Trần Anh T2 cho anh T1 nuôi dưỡng, chăm sóc, chị nhận trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Anh D là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật nên được chấp nhận, các con chung của anh, chị hiện nay còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người thân. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung nên cần tiếp tục giao cháu Trần Anh D cho chị T tiếp tục được nuôi dưỡng, giao cháu Trần Anh T2 cho anh T1 tiếp tục được nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Phương T không yêu cầu anh Trần Văn T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện nay mỗi người được giao trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc một con chung. Do đó trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Phương T không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết, anh Trần Văn T1 không có ý kiến gì về phần tài sản chung và công nợ của vợ chồng nên về phần tài sản chung và công nợ của vợ chồng chị T, anh T1 Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Phương T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, 273, 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương T và anh Trần Văn T1.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Trần Anh D, sinh ngày 10/01/2022 cho chị Nguyễn Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Giao con chung là cháu Trần Anh T2, sinh ngày 30/8/2019 cho anh Trần Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị T và anh T1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau mà được quyền chăm sóc, thăm nom con nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Phương T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại biên lai số 0000270 ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình, chị Nguyễn Thị Phương T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Phương T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, anh Trần Văn T1 được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 9, tỉnh Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 9 - Ninh Bình;
- UBND xã Minh Thái;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hoàng Giang